TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST Ngày 30-6-2021 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh N

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14/13 đường V, tổ dân phố P 6, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện nay: Số 26/304 đường P, tổ dân phố P 8, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Quang H

Nơi cư trú: Số 14/13 đường V, tổ dân phố P 6, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị Minh N trình bày:

Chị và và anh Trần Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 12 năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại nhà số 14/13 đường V, tổ dân phố Ph 6, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống với nhau, giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, anh H ham mê cờ bạc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã xin phép gia đình chồng dọn về nhà bố mẹ đẻ ở được khoảng 04 tháng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 26/9/2012 và Trần Thiện N, sinh ngày 22/7/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh Q đến khi thành niên, giao con chung Trần Thiện N cho anh Trần Quang H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Trần Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 12 năm 2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng yêu thương, đùm bọc nhau. Khoảng 03 năm trở lại đây, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai phía, anh thì ham mê cờ bạc đến nay vẫn chưa dứt bỏ được, còn chị N lại có quan hệ ngoài luồng, thường xuyên nhắn tin, gọi điện với người đàn ông khác. Anh đã nhiều lần nói chuyện với chị N về vấn đề này, nH chị N vẫn không từ bỏ. Khoảng 04 tháng nay, chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 26/9/2012 và Trần Thiện N, sinh ngày 22/7/2015. Khi ly hôn, quan điểm của anh là muốn trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên để các cháu có anh, có em và yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh: Chị Trần Thị Minh N và anh Trần Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu anh chị hòa thuận, hạnh

phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; đến năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Hiện chị N và anh H đã sống ly thân mỗi người một nơi.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 26/9/2012 và Trần Thiện N, sinh ngày 22/7/2015. Cả hai đều có công việc ổn định và có điều kiện để nuôi dưỡng con chung trong trường hợp vợ chồng ly hôn,

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Minh N được ly hôn anh Trần Quang H.

- Về nuôi dưỡng con: Giao con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Trần Thiện N, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2015 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Quang H; cư trú tại: Số 14/13 đường V, tổ dân phố P 6, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Minh N và anh Trần Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 12 năm 2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của hai bên và trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được cho thấy cuộc sống chung của anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do có sự bất đồng về quan điểm và lối sống. Điều đó đã khiến cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm

trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và hiện đã sống ly thân mỗi người một nơi. Vì vậy, khi chị N yêu cầu được ly hôn, anh H cũng đồng ý. Xét việc thuận tình ly hôn của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị N và anh H có 02 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012 và Trần Thiện N, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2015. Hội đồng xét xử thấy chị N và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con của các bên cũng như quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho mỗi người nuôi 01 con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Mặc dù cháu Q có nguyện vọng được ở với bố trong trường hợp bố mẹ ly hôn, nhưng vì anh H đi làm từ sáng đến chiều tối mới về, việc đưa đón cháu Q đi học hàng ngày chủ yếu do chị N đảm nhiệm, hơn nữa cháu Q đã lớn nên cũng hiểu chuyện hơn; cháu N còn nhỏ, chưa hiểu chuyện, lại quen sống cùng với bố và ông bà nội nên cần giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng để tránh làm xáo trộn cuộc sống gây ảnh hưởng đến tâm lý của cháu N. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh Q và giao con chung Trần Thiện N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng của chị N; không chấp nhận ý kiến của anh H về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền là số tiền 3.000.000 đồng/tháng, vì căn cứ vào tài liệu chứng minh thu nhập thực tế do hai bên giao nộp cho Tòa án, thu nhập hàng tháng của anh H cao gấp 02 lần thu nhập của chị N.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Minh N được ly hôn anh Trần Quang H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Trần Thiện N, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2015 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0018094 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đ 1;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bình